

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Đồi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường và ông Nguyễn Tấn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Văn C**, sinh ngày 05/03/1984, nơi sinh: Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn A, xã Giao A, huyện Lang C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tạm trú: Thôn Tây An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H và con bà Lê Thị N (chết); Vợ: Phạm Thị T, sinh năm: 1984; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/5/2021, bị cáo bị Công an xã Giao An, huyện Lang C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, bị cáo đã thi hành xong Quyết định này ngày 20/5/2021.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/09/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Chính: Ông Bùi Minh N, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 63 Phan Đình P, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị hại:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thái T (viết tắt là Công ty TNHH XD và TM Thái T); địa chỉ trụ sở: Số 630 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đắc K, sinh năm 1978 - Giám đốc; địa chỉ: Số 630 lô 22 đường Lê Hồng Phong, phường Đông K, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Hữu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Hu Trì, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn Đông An H, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023), (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn Tây An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

Anh Nguyễn Phúc Đ, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Tây An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

Anh Trần H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số 272 đường Hoàng Hoa T, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

Anh Võ Văn P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Đông An V, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

Anh Phạm Công T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Đông An H, huyện Lý S, tỉnh Quảng Ngãi, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 15/3/2023, Lê Văn C phát hiện tại bãi vật tư thi công của Công ty TNHH XD và TM Thái T thuộc khu vực Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (ở thôn Đông An H, huyện Lý S) có 03 thanh sắt H300, H350, H400 (đã bị cong vênh trong quá trình sử dụng) không có người quản lý, trông coi nên nảy sinh ý định cắt 03 thanh sắt trên để bán lấy tiền tiêu xài. Lê Văn C sử dụng điện thoại gọi Nguyễn Thanh T làm nghề mua bán phế liệu ở huyện Lý Sơn có sắt phế liệu cần bán cho ông T và nhờ ông T chở bộ cắt gió đá (cắt khí gas) của ông T đến để C mượn cắt số sắt phế liệu này; ông T đồng ý và chở bộ cắt gió đá đến bãi vật tư thi công của Công ty TNHH XD và TM Thái T cho C mượn. Khi có bộ cắt gió đá, một mình C sử dụng bộ cắt gió đá này cắt 03 thanh sắt H300, H350, H400 thành 06 đoạn dài, ngắn khác nhau; sau khi cắt xong, C liên lạc với ông T để bán số sắt mà C đã cắt ra.

Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, ông T cùng Võ Văn P là người lái xe tải cho ông T, điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 76C-148.17 đến bãi vật tư thi công của Công ty TNHH XD và TM Thái T để mua số sắt nói trên. Tại đây, bị cáo C nói với ông T số sắt này là sắt phế liệu nên C bán cho ông T để kiếm tiền đi chợ

cho anh em công nhân. Ông T tin vào nội dung mà C nói nên đã thỏa thuận với C giá thu mua sắt là 5.000 đồng/01 kilogam; sau khi thỏa thuận giá xong thì ông T và ông P dùng cân cầu trên xe ô tô và cân để cân 06 đoạn sắt chữ H và bỏ lên xe ô tô, tổng trọng lượng 06 đoạn sắt chữ H là 03 tấn (3.000 kilogam). Ông T đưa cho bị cáo C số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) rồi vận chuyển số sắt trên đến khu vực Cảng phía trước Trạm xăng dầu Nhiên P (thuộc Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn ở thôn Đông An H, huyện Lý Sơn) để hôm sau vận chuyển vào thành phố Quảng Ngãi bán lại cho ông Trần H.

Đến ngày 16/3/2023, khi ông T chưa chuyển số sắt nói trên vào thành phố Quảng Ngãi, ông Nguyễn Phúc Đ là chủ Cơ sở nhôm sắt tại Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn đến nơi tập kết sắt của ông T ở Cảng thì nhìn thấy 01 đoạn sắt hình chữ H còn sử dụng được nên đã liên lạc và thỏa thuận với ông T là lấy 01 đoạn sắt hình chữ H này để làm và trả lại cho ông T 500 kilogam sắt phế liệu; ông T đồng ý. Sau đó, ông Đ vận chuyển đoạn sắt hình chữ H này về Cơ sở nhôm sắt của mình và cắt thành 03 miếng hình chữ nhật. Còn lại 05 thanh sắt hình chữ H thì ông T vận chuyển vào thành phố Quảng Ngãi bán cho ông Trần H.

Ngày 21/3/2023, ông Phạm Công T là Chỉ huy trưởng công trình thuộc Xí nghiệp xây lắp 54 trực thuộc Tổng Công ty Thành A tại thôn Đông An H, huyện Lý Sơn phát hiện tại bãi vật tư thi công của Công ty TNHH XD và TM Thái T bị người khác lấy trộm sắt và phát hiện tại Cơ sở nhôm sắt của ông Nguyễn Phúc Đ có 03 thanh sắt của Công ty TNHH XD và TM Thái T nên đã trình báo Công an huyện Lý Sơn.

Ngày 05/7/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn có yêu cầu định giá tài sản số 06/YCĐG, yêu cầu định giá đối với:

- 01 (một) thanh sắt dài 3,74m, rộng 40cm, dày 2cm (ký hiệu số 1); 01 (một) thanh sắt dài 3,72m, rộng 34cm, dày 1,5cm (ký hiệu số 2); 01 (một) thanh sắt dài 3,70m, rộng 40cm, dày 2cm (ký hiệu số 3).

- 03 (ba) tấn sắt là H300, H350, H400.

Ngày 12/7/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lý Sơn có Kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐGTS kết luận:

- 03 (ba) thanh sắt bằng kim loại nêu trên, có trọng lượng là 560 kilogam với giá bán phế liệu theo đơn giá 6.650 đồng/01 kilogam: 6.650 đồng x 560 kilogam = 3.724.000 đồng.

- Tổng 03 tấn sắt: 6.650 đồng x 3.000 kilogam = 19.950.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản tại thời điểm mất: 19.950.000 đồng (mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của mình vào ngày 15/3/2023. Mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo không khiếu nại gì về kết luận giám định, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án.

** Về việc thu giữ, tạm giữ vật chứng*

- Số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), đây là tiền mà bị cáo bán số sắt trên mà có và đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại, nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho bị hại là Công ty TNHH XD và TM Thái T.

- 03 (ba) thanh sắt gồm: 01 (một) thanh sắt dài 3,74m, rộng 40cm, dày 2cm (ký hiệu số 1); 01 (một) thanh sắt dài 3,72m, rộng 34cm, dày 1,5cm (ký hiệu số 2); 01 (một) thanh sắt dài 3,70m, rộng 40cm, dày 2cm (ký hiệu số 3), đây là số sắt mà bị cáo C lấy trộm của Công ty TNHH XD và TM Thái T, đã trả lại cho Công ty.

- Đối với bộ cắt gió đá (cắt khí gas): Là công cụ bị can dùng để cắt số sắt mà bị can trộm cắp. Qua điều tra, công cụ này là bị cáo mượn của ông Nguyễn Thanh T và ông T không biết số sắt mà bị cáo mượn bộ cắt gió đá (*cắt khí gas*) để cắt là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ bộ cắt gió đá này là phù hợp.

- Đối với xe ô tô biển kiểm soát 76C-148.17 do ông Nguyễn Thanh T đứng chủ sở hữu, là xe vận chuyển sắt do bị cáo trộm cắp được mà có. Tuy nhiên, khi mua mua số sắt trên ông T không biết số sắt đó do bị cáo trộm cắp có được. nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ xe ô tô trên là phù hợp quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 18/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự trong vụ án: Tổng trị giá tài sản tại thời điểm mất là: 19.950.000 đồng, Công ty TNHH XD và TM Thái T đã nhận số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo khắc phục hậu quả và 03 thanh sắt (*ký hiệu số 01, 02, 03*) trị giá 3.724.000 đồng, tổng tài sản nhận được là 18.724.000 đồng (*mười tám triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng*). Công ty TNHH XD và TM Thái T không có yêu cầu gì về số tiền 1.226.000 đồng chưa được bồi thường, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã trao trả cho chủ sở hữu tài sản nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xét miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38,

Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần H và người làm chứng anh Phạm Công T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai của những người này, nếu cần thiết sẽ công bố lời khai của họ. Do đó, việc vắng mặt của anh Trần H và anh Phạm Công T không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C: Bị cáo là công dân có sức khỏe tốt, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mong muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu tài sản (công ty Thái T), lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 19.950.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Văn C đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay

bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục hậu quả với số tiền 15.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có cha ruột là ông Lê Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[3.2] Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng; trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo vẫn chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật; nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo tốt và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Từ những nhận định trên, bị cáo Lê Văn C có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[4] *Hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4.1] *Đối với ông Nguyễn Thanh T*: Là người cho bị cáo mượn bộ cắt gió đá (*cắt khí gas*) và mua số sắt mà bị cáo trộm cắp có được. Tuy nhiên, ông T không biết bị cáo mượn bộ cắt gió đá này để làm công cụ phục vụ việc trộm cắp tài sản và không biết số sắt mà bị cáo bán cho ông T là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4.2] *Đối với anh Võ Văn P*: Là người điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76C-148.17 cùng ông Nguyễn Thanh T đi mua số sắt mà bị cáo trộm cắp có được. Tuy nhiên, anh P không biết số sắt mà ông T mua của bị cáo là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý anh P là có căn cứ.

[4.3] *Đối với anh Nguyễn Phúc Đ*: Là người đổi 01 đoạn sắt hình chữ H từ ông T. Tuy nhiên, anh Đ không biết đoạn sắt này là ông T mua của bị cáo, là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý anh Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4.4] *Đối với anh Trần H*: Là người mua 05 đoạn sắt hình chữ H từ ông Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên, anh H không biết số sắt nói trên là ông T mua của bị cáo do trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý anh H là có căn cứ.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*:

[5.1] Tổng trị giá tài sản bị xâm hại là: 19.950.000 đồng; bị hại (Công ty TNHH XD và TM Thái T) đã nhận số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo khắc phục

hậu quả và 03 thanh sắt (*ký hiệu số 01, 02, 03*) trị giá 3.724.000 đồng, tổng tài sản bị hại nhận được là 18.724.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 1.226.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5.2] Ông Nguyễn Thanh T không có yêu cầu gì về dân sự của 01 đoạn sắt hình chữ H (*được cắt thành 03 thanh sắt ký hiệu 01, 02, 03*) đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng vụ án:* Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại và không ai có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo C về mức hình phạt là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[8] *Về án phí sơ thẩm:* Bị cáo Lê Văn C có đơn xin miễn nộp tiền án phí và có xác nhận của địa phương là gia đình thuộc hộ cận nghèo. Do đó, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn C 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 03 (*ba*) năm kể từ ngày tuyên án (16/01/2024).

Giao bị cáo Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Giao An, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn C.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Lý Sơn;
- Chi cục THA DS huyện Lý Sơn;
- Công an huyện Lý Sơn
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- UBND xã Giao An, H. Lang Chánh;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Thu